

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 851/2022/DS-ST

Ngày: 30-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Xuân Nam
2. Ông Trần Trọng Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Mai Như Trang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 74/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Bích D (Có mặt).

Địa chỉ: Số 145/11 ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức Trường T (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 197/2 H, Phường 8, quận P, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị Bích D trình bày:

Tháng 10/2019, bà Bùi Thị Bích D hợp tác với ông Nguyễn Đức Trường T để xây dựng hệ thống bán hàng trực tuyến và trực tiếp cho homestay tên G tại Phước Thuận, Xuyên Mộc, Bà Rịa – Vũng Tàu.

Từ cuối tháng 10/2019, bà D bắt đầu thực hiện việc xây dựng hệ thống và bán hàng theo như thỏa thuận và trao đổi thường xuyên với ông T. Do quen biết và giai đoạn

đầu kinh doanh có nhiều khoản chi phí nên ông T nói với bà D hỗ trợ để ông T thanh toán các khoản chi phí chậm và bà D đồng ý.

Đầu tháng 01/2020, bà D làm quyết toán chi phí và phí như đã thỏa thuận nhưng ông T và vợ là bà Phạm Thị Thu C không đồng ý trả lại cho bà D chi phí và phí theo nội dung đã thỏa thuận. Do đó, bà D không đồng ý và báo với ông T sẽ tạm ngưng bán hàng trên các trang trực tuyến, đến khi nhận đủ số tiền thì bà sẽ bàn giao lại hết các kênh bán hàng và không tiếp tục hợp tác nữa. Sau đó ông T vẫn không thanh toán cho bà D nên bà D đã đóng các kênh bán hàng.

Tháng 10-11/2021, ông T nhờ bà D mở bán hàng lại và thanh toán dần cho bà D, hai bên có ký kết thỏa thuận về việc ông T thanh toán cho bà D số tiền 71.220.000 đồng nhưng do có nhiều vấn đề trong quản lý nên không thực hiện được. Nay bà D khởi kiện yêu cầu ông T trả lại cho bà D số tiền 71.220.000 đồng và lãi suất của số tiền trên từ khi khởi kiện đến nay theo lãi suất 8%/năm là 3.798.000 đồng, tổng cộng 75.018.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đức Trường T trình bày:

Ông T thống nhất về việc có thuê bà D quảng cáo cho Resort G. Hai bên thỏa thuận bà D sẽ hưởng 10% hoa hồng trên doanh thu từ các kênh OTA. Khi thu được tiền thì ông T sẽ trả cho bà D nhưng doanh thu từ các kênh OTA không có nên ông T không trả tiền cho bà D.

Bà D không làm việc đủ 15 ngày theo thỏa thuận mà thực tế chỉ làm việc 1-2 ngày. Bà D cũng không thực hiện quảng cáo trên Facebook như đã thỏa thuận và không có chứng từ chứng minh. Hai bên không thỏa thuận về tiền bán hàng hàng tháng. Do đó, ông T không đồng ý trả chi phí thỏa thuận quản lý, chi phí quảng cáo và chi phí bán hàng hàng tháng cho bà D. Ông T chỉ đồng ý trả các chi phí cài đặt kênh bán hàng trực tuyến và hoa hồng bán hàng cho bà D số tiền 6.524.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật của theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vẫn còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Bùi Thị Bích D khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng dịch vụ đối với bị đơn ông Nguyễn Đức Trường T có hộ khẩu thường trú tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Nguyễn Đức Trường T xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền 71.220.000 đồng:

Căn cứ Biên bản thỏa thuận ngày 28/11/2020 giữa ông Nguyễn Đức Trường T và bà Bùi Thị Bích D thì ông T có nghĩa vụ thanh toán cho bà D các khoản chi phí bà D đã thực hiện việc quảng cáo cho Resort G Hồ Tràm trên các kênh bán hàng trực tuyến và tiền hoa hồng bán hàng từ tháng 12/2019 đến tháng 02/2020, gồm: Chi phí cài đặt các kênh bán hàng trực tuyến còn thiếu là 5.000.000 đồng; Chi phí quản lý từ ngày 29/11 – 13/12/2019 là 7.500.000 đồng; Chi phí quảng cáo Facebook và hoa hồng bán hàng của bà D tháng 12 và tiền hoa hồng các kênh online tháng 01 là 37.383.000 đồng; Chi phí bán hàng cố định hàng tháng và hoa hồng bán hàng là 19.813.000 đồng; Hoa hồng bán hàng tháng 02/2020 là 1.524.000 đồng. Tổng cộng là 71.220.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy Biên bản thỏa thuận ngày 28/11/2020 liệt kê các việc bà D đã làm và ông T thừa nhận nên đã ký vào biên bản. Trong trường hợp ông T cho rằng việc thực hiện thỏa thuận của bà D không có lợi cho ông T thì ông T có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện thỏa thuận nhưng phải trả tiền công theo phần việc mà bên bà D đã thực hiện theo quy định tại Điều 520 Bộ luật dân sự.

Việc ông T chỉ đồng ý thanh toán số tiền 6.524.000 đồng bao gồm chi phí cài đặt các kênh bán hàng trực tuyến còn thiếu là 5.000.000 đồng và hoa hồng bán hàng tháng 02/2020 là 1.524.000 đồng là vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bà D. Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 519 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Bích D là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc trả lãi:

Do ông T chậm trả tiền nên ông T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Bà D chỉ yêu cầu ông T trả lãi kể từ ngày khởi kiện đến nay là

08 tháng với mức lãi suất 8%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận.

Tổng cộng ông Nguyễn Đức Trường T phải trả cho bà Bùi Thị Bích D số tiền: 71.220.000 đồng + 3.798.000 đồng = 75.018.000 đồng.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Bích D được chấp nhận toàn bộ nên ông T phải chịu án phí trên số tiền 75.018.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, 519 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Bà Bùi Thị Bích D:

Buộc ông Nguyễn Đức Trường T phải trả cho bà Bùi Thị Bích D số tiền 75.018.000 (*Bảy mươi lăm triệu không trăm mười tám ngàn*) đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Đức Trường T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.750.900 (*Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn chín trăm*) đồng.

- Hoàn trả cho bà Bùi Thị Bích D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.780.000 (*Một triệu bảy trăm tám mươi ngàn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029163 ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Út